

Số: 309/QĐ-TNMT

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Phương án “Nạo vét khơi thông dòng chảy tại khu vực bãi bồi
phía sau Trung tâm y tế huyện đến cầu Hương Hòa, thị trấn Khe Tre,
huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế”**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2011 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ủy quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Phương án “Nạo vét khơi thông dòng chảy tại khu vực bãi bồi phía sau Trung tâm y tế huyện đến cầu Hương Hòa, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế” tại Biên bản phiên họp chính thức hội đồng thẩm định ngày 22 tháng 10 năm 2019;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Phương án “Nạo vét khơi thông dòng chảy tại khu vực bãi bồi phía sau Trung tâm y tế huyện đến cầu Hương Hòa, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế” đã được chỉnh sửa,

bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 91/UBND ngày 14 tháng 11 năm 2019 của UBND thị trấn Khe Tre;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Phương án “Nạo vét khơi thông dòng chảy tại khu vực bãi bồi phía sau Trung tâm y tế huyện đến cầu Hương Hòa, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế” (sau đây gọi là Phương án) của UBND thị trấn Khe Tre (sau đây gọi là Chủ phương án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ phương án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Phương án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Phương án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- Bộ TN&MT;
- UBND huyện Nam Đông;
- UBND thị trấn Khe Tre;
- Lưu VT, CC BVMT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Bá Phúc

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG ÁN “NẠO VÉT KHƠI THÔNG DÒNG CHẢY TẠI KHU VỰC BÃI
BỒI PHÍA SAU TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ĐẾN CẦU HƯƠNG HÒA, THỊ
TRẦN KHE TRE, HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ”

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-TNMT ngày ... tháng 11 năm 2019
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Phương án:

1.1. Chủ phương án: UBND thị trấn Khe Tre.

1.2. Địa chỉ liên hệ: thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.3. Địa điểm thực hiện: thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.4. Phạm vi: Phương án “Nạo vét khơi thông dòng chảy tại khu vực bãi bồi phía sau Trung tâm y tế huyện đến cầu Hương Hòa, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế” được thực hiện tại bãi bồi hợp giữa sông Tả Trạch và khe Le No tạo thành bãi bồi giữa ngã 3 sông, khu vực gần cầu Hương Hòa thuộc thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích 11.549,4 m².

1.5. Quy mô Phương án

1.5.1. Độ sâu và diện tích nạo vét:

- Độ sâu nạo vét trung bình khoảng 1,8 m.

- Diện tích nạo vét 11.549,4 m².

1.5.2. Trữ lượng vật chất từ quá trình nạo vét:

- Tổng khối lượng cần nạo vét khơi thông dòng chảy 21.460,0 m³.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Phương án

2.1. Các tác động môi trường chính: việc thực hiện Phương án có khả năng gây tác động môi trường không khí; môi trường nước; phát sinh chất thải rắn và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, khối lượng khoảng 0,5 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải từ quá trình nạo vét: trong quá trình nạo vét, nước thải phát sinh chủ yếu từ bãi tập kết, máy sàng, quá trình rửa thiết bị, máy móc.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải: bụi, khí thải phát sinh do hoạt động sàng tuyển và hoạt động xúc bốc lên phương tiện vận chuyển tại khu vực nạo vét ; bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển vật chất nạo vét.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt động nạo vét:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường, khối lượng khoảng 3,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hoạt động nạo vét là cuội, sỏi kích thước lớn, khối lượng khoảng 6.691,0 m³.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: các loại dầu mỡ thải, bao bì cứng thải bằng nhựa,... khối lượng khoảng 5,0 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Phương án

3.1. Công trình và biện pháp xử lý nước thải

3.1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Chủ phương án không tiến hành xây dựng lán trại mà liên hệ với các hộ gia đình gần khu vực thi công để phục vụ cho sinh hoạt của công nhân trong quá trình nạo vét. Công nhân sử dụng các công trình vệ sinh của các hộ gia đình hiện có.

3.1.2. Nước thải từ quá trình nạo vét:

- Tại khu vực bãi tập kết: Che phủ bạt tại bãi tập kết và đào mương thu gom, hố lắng để xử lý nước mưa chảy tràn.

- Tại khu vực nạo vét: tạo hố móng, đê quây để dẫn dòng khi thi công.

3.2. Công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Tiến hành che chắn tại khu vực bãi tập kết.

- Định kỳ kiểm tra các phương tiện nạo vét, vận chuyển.

- Thường xuyên quét dọn bụi đất rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển; không chở quá thành xe, không vận chuyển quá trọng tải thiết kế của xe.

- Tưới nước ven đường vận chuyển tại những đoạn trọng yếu có nguy cơ gây ô nhiễm bụi.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp làm việc tại công trường.

3.3. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt động nạo vét:

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng để thu gom rác; hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động nạo vét: sử dụng nguồn cuội, sỏi quá cỡ vào việc đắp ổn định, chống sạt lở bờ sông.

3.4. Công trình và biện pháp xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí thùng đựng chất thải nguy hại , khu vực lưu giữ chất thải nguy hại và thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Nạo vét đúng thời gian quy định, không nạo vét, vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối để tránh ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị trước khi vận hành, vận hành đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định.

- Trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra cho các công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động:

- Ban hành nội quy, quy định làm việc tại công trường. Chủ phương án hoặc bộ phận quản lý tiến hành giám sát việc thực hiện nội quy của công nhân.

- Tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

- Có chế độ làm việc, nghỉ ngơi hợp lý.

- Chỉ bố trí những công nhân có đủ sức khỏe, có Giấy phép lái xe tương ứng với phương tiện điều khiển và đã được tập huấn về kỹ thuật an toàn lái xe.

- Xây dựng tuyến đường vận chuyển phù hợp, thực hiện đền bù khi xảy ra hư hỏng trên những tuyến đường vận chuyển.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu sự cố cháy nổ:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động tại công trường.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu sự cố thiên tai, bão lụt:

- Lập kế hoạch thi công nạo vét hợp lý, di dời trang thiết bị và công nhân đến nơi an toàn và không tiến hành thi công khi có thiên tai, bão lụt xảy ra.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, theo dõi tình hình xả lũ của thủy điện Thượng Nhật và Thượng Lộ để có phương án giằng néo các máy móc, thiết bị nạo vét nhằm đảm bảo an toàn, tránh trôi va, uy hiếp các cầu đường bộ qua sông Tả Trạch phía hạ lưu, ảnh hưởng tính mạng, tài sản của nhà nước và nhân dân.

- Thông báo cơ quan chức năng, chính quyền địa phương nhằm có biện pháp ứng cứu kịp thời khi có sự cố xảy ra.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Phương án:

4.1. Công trình xử lý nước thải:

- Đào mương thu gom, hồ lắng để xử lý nước mưa chảy tràn.
- Tạo hồ móng, đê quây để dẫn dòng khi thi công.

4.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Tiến hành che chắn tại khu vực bãi tập kết.
- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển.

4.3. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt động nạo vét:

- Bố trí thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt ; khu vực tập kết chất thải rắn từ hoạt động nạo vét.

4.4. Công trình và biện pháp xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí thùng đựng chất thải nguy hại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ phương án

5.1. Giám sát không khí:

- Số lượng: 01 điểm tại khu vực bãi tập kết.
- Thông số giám sát: Bụi, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

5.2. Giám sát nước thải:

- Số lượng: 01 điểm nước thải sau khi xử lý tại hồ lắng khu vực bãi tập kết.
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺-N, NO₃⁻-N, PO₄³⁻, Fe, dầu mỡ, Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (giá trị Cmax, cột A).

5.3. Giám sát nước mặt:

- Số lượng: 01 điểm nước mặt ở phía hạ nguồn sông Tả Trạch (cách khu vực nạo vét 100 m).
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺-N, NO₃⁻-N, PO₄³⁻, Fe, dầu mỡ, Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Cột A₂).

5.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Giám sát tổng khối lượng thải và tình hình thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại trong phạm vi thi công nạo vét.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.5. Giám sát xói lở bờ sông:

- Trước khi tiến hành nạo vét, Chủ phương án tiến hành đánh giá, ghi nhận hiện trạng bờ sông để làm căn cứ giám sát sự cố xói lở bờ sông trong quá trình nạo vét.

- Tần suất giám sát: giám sát đột xuất trong quá trình nạo vét, hoặc khi có yêu cầu của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương./.